UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
**QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

Số: 288 /QĐ-HĐQL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

*Bình Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2014*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc ban hành Quy chế đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương

## HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 63/1999/QĐ-UBND ngày 04/05/1999 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 30/06/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương tại Tờ trình số 258/TTr-ĐTPT ngày 11/09/2014,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 10/QĐ-HĐQL ngày 19/12/2008 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế đầu tư trực tiếp.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, các phòng nghiệp vụ Quỹ và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Lưu: VT; ĐTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**
**CHỦ TỊCH**

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

**LÊ THANH CUNG**

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Dương, ngày 15 tháng 10 năm 2014*

# QUY CHẾ
# ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 288 /QĐ-HĐQL ngày 15 /10/2014 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Mục đích của quy chế

Quy chế được ban hành nhằm quy định những nội dung cụ thể về hoạt động đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Quỹ) phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật hiện hành.

### Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế được áp dụng đối với tất cả các khoản đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng đầu tư và bằng nguồn vốn hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp đặc biệt do UBND tỉnh quyết định.

Đối tác cùng tham gia hợp tác đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp với Quỹ theo quy chế này là các tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đầu tư trực tiếp vào các dự án là việc Quỹ sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án; trong đó, Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

2. Góp vốn thành lập doanh nghiệp là việc Quỹ sử dụng vốn hoạt động của mình để góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án.

3. Dự án đầu tư là một tập hợp những đề xuất bỏ vốn trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong một khoảng thời gian xác định.

4. Chủ đầu tư là tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc người thay mặt chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư.

5. Người có liên quan là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

**Điều 4. Nguồn vốn đầu tư**

Quỹ sử dụng vốn hoạt động của mình gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động để đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp.

1. Vốn chủ sở hữu:

a) Vốn điều lệ thực có.

b) Quỹ dự phòng tài chính.

c) Quỹ đầu tư phát triển.

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước:

a) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật;

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Kế hoạch vốn đầu tư**

Kế hoạch vốn đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp là một bộ phận của kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ. Hàng năm, Quỹ xây dựng kế hoạch sử dụng vốn đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp thuộc kế hoạch đầu tư chung của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét thông qua và trình UBND tỉnh phê duyệt.

Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, Quỹ phải đầu tư vốn vượt kế hoạch được giao đầu năm, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý và trình UBND tỉnh giao bổ sung kế hoạch đầu tư để triển khai thực hiện.

**Điều 6. Nguyên tắc đầu tư**

Hoạt động đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.

2. Phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Đúng đối tượng, mục đích và đảm bảo theo kế hoạch nguồn vốn được duyệt.

4. Đảm bảo trình tự và thủ tục đầu tư xây dựng hiện hành.

5. Tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

6. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản lý, Ban giám đốc Quỹ không được cùng với Quỹ tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp.

7. Quỹ phải thẩm định phân tích, đánh giá hiệu quả và khả năng hoàn vốn của dự án đầu tư, đề án góp vốn trước khi trình Hội đồng quản lý và UBND tỉnh ra quyết định đầu tư, góp vốn theo thẩm quyền.

## Chương II
## QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Phần I
### ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC DỰ ÁN

**Điều 7. Đối tượng đầu tư**

1. Các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh đã được HĐND chấp thuận và UBND tỉnh quyết định hàng năm hoặc theo từng thời kỳ.

2. Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh quy định tại Khoản 1 Điều này, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư quy định tại Điều 8 Quy chế này.

**Điều 8. Điều kiện đầu tư**

1. Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

**Điều 9. Phương thức đầu tư**

1. Quỹ có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của UBND tỉnh.

2. Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Hình thức đầu tư**

1. Tuỳ từng điều kiện cụ thể, Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

a) Đầu tư theo các hình thức: Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư;

b) Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

2. Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Điều 11. Thời hạn đầu tư**

Thời hạn đầu tư trực tiếp vào một dự án của Quỹ là thời gian kể từ khi xúc tiến chuẩn bị thực hiện dự án đến khi dự án hoàn thành tổng nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc đến khi dự án có đầy đủ các yếu tố để chuyển nhượng dự án theo quy định của pháp luật cho các tổ chức, cá nhân khác triển khai thực hiện tiếp dự án đầu tư.

**Điều 12. Thẩm quyền quyết định đầu tư**

1. Mức vốn đầu tư của một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND tỉnh quyết định.

2. Mức vốn đầu tư đối với một dự án từ trên 5% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

3. Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 5% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

**Điều 13. Giới hạn đầu tư**

1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

2. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư trực tiếp khác với quy định của Quy chế này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

**Điều 14. Trình tự thẩm định, lựa chọn dự án đầu tư**

1. Quỹ xúc tiến tìm kiếm dự án để thu thập thông tin phục vụ cho công tác đánh giá, phân tích, lựa chọn cơ hội đầu tư trên cơ sở đảm bảo đúng đối tượng, nguyên tắc, điều kiện đầu tư và khả năng tài chính của Quỹ.

2. Phòng Đầu tư phân tích, đánh giá cơ hội đầu tư và lập báo cáo xin chủ trương đầu tư trình Giám đốc xem xét.

3. Khi có ý kiến chấp thuận của Giám đốc, Phòng Đầu tư gửi dự án đã có báo cáo khả thi cho Phòng Kế hoạch - Thẩm định để thẩm định hoặc Phòng Đầu tư tự phân tích, đánh giá đối với dự án mới có chủ trương đầu tư. Căn cứ kết quả thẩm định ban đầu của Phòng Kế hoạch - Thẩm định hoặc báo cáo phân tích, đánh giá của Phòng Đầu tư, Giám đốc tổ chức họp Hội đồng tái thẩm định để xem xét các nội dung đề xuất đầu tư theo đúng các tiêu chuẩn thẩm định của Quỹ. Hội đồng tái thẩm định đưa ra kết luận cụ thể, đồng ý hoặc không đồng ý việc đầu tư dự án để tư vấn cho Giám đốc quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư tùy theo quy mô của dự án.

4. Quỹ làm chủ đầu tư hoặc mời gọi các đối tác cùng tham gia góp vốn đầu tư, quản lý điều hành dự án.

5. Cơ sở lựa chọn dự án đầu tư:

a) Các tài liệu liên quan tới chủ trương, chính sách phát triển kinh tế trọng tâm, trọng điểm của Đảng và Nhà nước.

b) Các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan tới việc đầu tư trực tiếp vào các dự án.

c) Đề án khả thi của dự án mà Quỹ xem xét tham gia hợp tác đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có, trong đó thể hiện hiệu quả hoạt động của dự án).

d) Các tài liệu cung cấp thông tin về đối tác/những đối tác trong doanh nghiệp mà Quỹ xem xét hợp tác đầu tư.

e) Các nội dung yêu cầu đối với dự án đầu tư cụ thể như:

- Cơ sở pháp lý của dự án.

- Nhu cầu và tính cấp thiết đầu tư của dự án.

- Quy mô đầu tư: Diện tích xây dựng; các hạng mục công trình; địa điểm xây dựng công trình và nhu cầu sử dụng đất; hạ tầng kỹ thuật; phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư nếu có; các ảnh hưởng của dự án đối với môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh quốc phòng.

- Xác định tổng mức đầu tư, thời hạn thực hiện dự án, phương án huy động vốn theo tiến độ và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án và phân kỳ đầu tư.

- Các yếu tố rủi ro tiềm ẩn của dự án.

6. Cơ sở lựa chọn đối tác đầu tư:

a) Các cá nhân có năng lực hành vi dân sự theo đúng quy định của pháp luật; các tổ chức kinh tế có đủ tư cách pháp nhân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh đối với lĩnh vực, ngành nghề phù hợp mục tiêu của dự án.

c) Có địa bàn hoạt động rộng mở, có năng lực và uy tín trên thị trường, khả năng tổ chức, quản trị doanh nghiệp hiện đại.

d) Có tình hình tài chính lành mạnh và khả năng nguồn vốn hợp tác, hỗ trợ trong việc huy động vốn để triển khai dự án đúng tiến độ.

**Điều 15. Trình tự, thủ tục triển khai thực hiện dự án đầu tư**

1. Đối với dự án Quỹ làm chủ đầu tư:

a) Quỹ trực tiếp quản lý thực hiện dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý thực hiện dự án đúng theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

b) Tổ chức chuyên môn quản lý thực hiện dự án phải đảm bảo đủ điều kiện năng lực theo quy định.

2. Đối với dự án Quỹ hợp tác đầu tư:

a) Căn cứ kết quả thẩm định đã được Hội đồng tái thẩm định thống nhất đề xuất quyết định đầu tư, tùy thuộc vào quy mô của dự án, Giám đốc quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

b) Quỹ thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thông qua đại diện của Quỹ tại các doanh nghiệp mà Quỹ đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Việc cử đại diện vào Ban Quản lý dự án do Giám đốc Quỹ quyết định.

c) Tiến hành việc góp vốn đầu tư theo tiến độ của dự án.

d) Theo dõi và thực hiện báo cáo tiến độ thực hiện dự án.

**Điều 16. Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư**

1. Đối với dự án Quỹ làm chủ đầu tư: Phòng Đầu tư thực hiện hoặc phối hợp với tổ chức chuyên môn theo dõi kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư.

2. Đối với dự án Quỹ hợp tác đầu tư: Phòng Đầu tư với tư cách là đại diện của Quỹ, thường xuyên phối kết hợp với đối tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư.

3. Các nội dung yêu cầu:

a) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được của quá trình thực hiện dự án so với yêu cầu và mục tiêu đầu tư của quyết định phê duyệt đầu tư dự án; đảm bảo việc đầu tư dự án đạt hiệu quả về tiến độ, chất lượng, kinh tế và tuân thủ quy định pháp luật.

b) Phát hiện, kiến nghị kịp thời những sai sót, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án nhằm đảm bảo đầu tư có hiệu quả.

c) Tổng hợp số liệu, thông tin về tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong từng thời kỳ, từng giai đoạn làm cơ sở báo cáo đánh giá tổng thể đầu tư.

**Điều 17. Đầu tư bổ sung, chuyển nhượng dự án đầu tư**

**1. Đầu tư bổ sung:**

a) Lập báo cáo xin chủ trương đầu tư bổ sung, trong đó nêu rõ lý do đầu tư bổ sung, mức vốn bổ sung, ảnh hưởng hiệu quả dự án đầu tư…

b) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tiến hành thực hiện đầu tư bổ sung và theo dõi, kiểm tra, đánh giá như khoản đầu tư mới.

**2. Chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng dự án đầu tư**

a) Quỹ được quyền chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng dự án đầu tư trực tiếp theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng.

b) Việc chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng dự án đầu tư trực tiếp được thực hiện khi dự án đảm bảo các yêu cầu sau:

- Dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư và thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định pháp luật hiện hành.

- Dự án đã triển khai xong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Đối với các dự án quy hoạch, xây dựng phát triển nhà ở phải thi công xong phần hạ tầng hoặc thi công xong phần móng đối với nhà ở dạng chung cư cao tầng.

c) Cấp nào quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án thì quyết định chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng dự án, và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Điều 18. Trích lập và xử lý khoản dự phòng rủi ro đầu tư**

Quỹ thực hiện trích lập và xử lý khoản dự phòng rủi ro đầu tư trực tiếp theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 19. Thẩm quyền xử lý rủi ro**

Cấp nào quyết định đầu tư trực tiếp thì quyết định xử lý rủi ro và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

## Phần II
## GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

**Điều 20. Hình thức góp vốn**

Quỹ được góp vốn thành lập Công ty Cổ phần, Công ty TNHH theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được UBND tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

**Điều 21. Điều kiện góp vốn**

Ngoài các điều kiện quy định tại Điều 8 Quy chế này, việc góp vốn thành lập doanh nghiệp còn đảm bảo các điều kiện sau:

1. Khi dự án đầu tư yêu cầu gắn với việc thành lập doanh nghiệp để quản lý thực hiện.

2. Đề án góp vốn phải được Hội đồng tái thẩm định của Quỹ phân tích, đánh giá hiệu quả và nhất trí thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền ra quyết định góp vốn theo phân cấp.

3. Tỷ lệ góp vốn của Quỹ vào một doanh nghiệp tối thiểu phải ở mức đảm bảo cho Quỹ có đủ điều kiện cử người tham gia vào Hội đồng quản trị hoặc một vị trí quản lý khác của doanh nghiệp.

4. Một số trường hợp đặc thù do Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh ra quyết định.

**Điều 22. Thẩm quyền quyết định góp vốn**

1. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do UBND tỉnh quyết định.

2. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp từ trên 2% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

3. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp đến 2% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

**Điều 23. Giới hạn góp vốn**

Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

**Điều 24. Trình tự lập, thẩm định dự án đầu tư**

1. Quỹ nghiên cứu, tìm kiếm các dự án đầu tư thuộc đối tượng và đảm bảo tính hiệu quả lập đề án, dự án đầu tư mời gọi các đối tác hoặc căn cứ đề án, dự án đầu tư của các đối tác đề nghị Quỹ cùng tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp để quản lý điều hành dự án.

2. Trình tự thẩm định, lựa chọn dự án, đối tác đầu tư được thực hiện như Điều 14 Quy chế này.

**Điều 25. Triển khai thực hiện**

1. Quỹ phối hợp với các đối tác đầu tư hoàn thiện các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp để các cơ quan ban ngành cấp giấy chứng nhận đầu tư.

2. Quỹ thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua đại diện của Quỹ tại các doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn thành lập theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp. Việc cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với quy mô vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp và theo các quy định sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cử Giám đốc, Phó giám đốc Quỹ và cấp tương đương làm đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp.

b) Giám đốc Quỹ quyết định cử các chức danh khác đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Hội đồng quản lý Quỹ và UBND tỉnh.

c) Người quyết định cử đại diện phần góp vốn của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

3. Tiến hành việc góp vốn đầu tư thành lập doanh nghiệp theo tiến độ.

4. Theo dõi và thực hiện báo cáo tiến độ thực hiện dự án.

**Điều 26. Thoát vốn đầu tư**

1. Quỹ có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào doanh nghiệp và các quyền có được từ phần vốn đã góp để thu hồi. Việc chuyển nhượng thực hiện theo Điều lệ của doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn và các quy định của pháp luật hiện hành. Giá chuyển nhượng thực hiện theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng. Cấp nào quyết định việc góp vốn thì quyết định

việc chuyển nhượng phần vốn góp của Quỹ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Hàng năm, Quỹ sẽ xây dựng kế hoạch thoát vốn đầu tư của phương thức đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

3. Kế hoạch thoát vốn thực hiện dựa trên các nguyên tắc sau:

a) Phần vốn tại các doanh nghiệp Quỹ tham gia góp vốn thành lập được thoát một phần hoặc toàn bộ, khi dự án đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động.

b) Lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp Quỹ tham gia góp vốn thành lập không còn phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ trong giai đoạn hiện tại hoặc doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả so với lợi nhuận bình quân ngành.

c) Đảm bảo cân đối nhu cầu vốn đầu tư của Quỹ theo kế hoạch.

4. Hình thức thoát vốn:

a) Trường hợp doanh nghiệp là Công ty TNHH: yêu cầu doanh nghiệp mua lại phần vốn góp của Quỹ, nếu doanh nghiệp không có khả năng mua lại thì Quỹ có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho các thành viên khác hoặc tổ chức và cá nhân khác không phải là thành viên theo quy định tại điều lệ công ty.

b) Trường hợp doanh nghiệp là Công ty Cổ phần: yêu cầu doanh nghiệp mua lại cổ phần của Quỹ hoặc chuyển nhượng cho các cổ đông khác.

**Điều 27. Theo dõi đánh giá hoạt động góp vốn**

Hàng quý, năm, Quỹ căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty và báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát; biên bản họp của Hội đồng quản trị để đánh giá, phân tích tình hình sử dụng vốn, kết quả kinh doanh của công ty để xác định lợi nhuận và lập kế hoạch thu lợi nhuận cho Quỹ.

**Điều 28. Nghĩa vụ, quyền lợi của các bên góp vốn**

1. Nghĩa vụ của các bên góp vốn:

a) Góp vốn theo hợp đồng đã ký kết.

b) Thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng góp vốn.

c) Giám sát việc triển khai thực hiện dự án đầu tư.

2. Quyền lợi của các bên góp vốn:

a) Được chia lợi nhuận từ việc thực hiện dự án đầu tư theo tỷ lệ vốn góp.

b) Được ưu tiên góp vốn khi doanh nghiệp tiến hành tăng vốn.

c) Được cử người tham gia điều hành trực tiếp hoặc gián tiếp công ty, được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình thực hiện dự án, được quyền yêu cầu cung cấp thông tin và các chứng từ về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến quyền lợi của các thành viên góp vốn.

**Điều 29. Trích lập và xử lý khoản dự phòng rủi ro đầu tư góp vốn**

Quỹ thực hiện trích lập và xử lý khoản dự phòng rủi ro đầu tư góp vốn theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 30. Thẩm quyền xử lý rủi ro**

Cấp nào quyết định đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp thì quyết định xử lý rủi ro và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

## Chương III
## QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 31. Trách nhiệm của Phòng Đầu tư**

1. Nghiên cứu phân tích đề xuất và lập dự án đầu tư thuộc đối tượng đầu tư và khả năng tài chính của Quỹ. Tham mưu cho Giám đốc xây dựng kế hoạch đầu tư, báo cáo Hội đồng Quản lý và UBND tỉnh phê duyệt và quyết định đầu tư.

2. Tham mưu cho Giám đốc về việc xác định tổng mức vốn đầu tư, nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư vào các dự án bằng các phương thức như: Quỹ làm chủ đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành dự án; đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh; góp vốn thành lập doanh nghiệp.

3. Nghiên cứu và phối hợp với Phòng Kế hoạch - Thẩm định tham mưu cho Giám đốc về việc phát hành trái phiếu Quỹ, trái phiếu công trình để huy động vốn thực hiện các dự án do Quỹ làm chủ đầu tư.

4. Tham mưu cho Giám đốc về việc thuê các tổ chức tư vấn thiết kế, thẩm định thiết kế kỹ thuật, môi trường, giám sát thi công dự án do Quỹ làm chủ đầu tư.

5. Kiểm tra, giám sát vốn tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư. Theo dõi quản lý, tham mưu và đề xuất các giải pháp thực hiện dự án đầu tư. Báo cáo phân tích đánh giá, dự đoán và quản lý rủi ro hoạt động đầu tư do Quỹ làm chủ đầu tư và góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế.

6. Quản lý kiểm tra tiến độ đầu tư, thu hồi vốn và lãi đầu tư đối với các dự án do Quỹ hợp tác kinh doanh. Tham gia quản lý và điều hành trực tiếp hoặc gián tiếp đối với công ty do Quỹ góp vốn thành lập.

**Điều 32. Trách nhiệm của Phòng Tài chính - Kế toán**

1. Chuẩn bị kịp thời nguồn vốn để thực hiện việc đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt.

2. Thực hiện việc chuyển tiền đầu tư theo hồ sơ đã đầy đủ thủ tục.

3. Khi phát hiện khoản đầu tư không đảm bảo an toàn hoặc không hiệu quả, trước khi thực hiện việc chuyển tiền phải thông báo ngay với Giám đốc và được bảo lưu ý kiến.

**Điều 33. Trách nhiệm của Phòng Kế hoạch - Thẩm định**

Phòng Kế hoạch - Thẩm định phối kết hợp với Phòng Đầu tư để thẩm định sơ bộ hiệu quả các dự án đầu tư trực tiếp của Quỹ; góp ý, đề xuất các phương án đầu tư hiệu quả.

Thực hiện xây dựng kế hoạch vốn hàng năm, trong đó có kế hoạch vốn đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp để tham mưu cho Lãnh đạo Quỹ quyết định.

**Điều 34. Trách nhiệm của Phòng Hành chính - Nhân sự**

Phòng Hành chánh - Nhân sự có trách nhiệm tham mưu đề cử nhân sự làm người đại diện phần vốn góp của Quỹ; hỗ trợ các công việc hành chánh, văn bản, thủ tục trong quá trình tìm kiếm cơ hội và thực hiện góp vốn thành lập công ty.

**Điều 35. Trách nhiệm của Hội đồng tái thẩm định**

Hội đồng tái thẩm định có trách nhiệm phân tích, đánh giá các nội dung đề xuất đầu tư theo đúng các tiêu chuẩn thẩm định của Quỹ để tư vấn cho Giám đốc quyết định đầu tư.

**Điều 36. Tổ chức thực hiện**

Quỹ có trách nhiệm thi hành Quy chế này. Căn cứ Quy chế này và những quy định của các văn bản pháp luật có liên quan, Quỹ ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể cho phù hợp với đặc điểm và điều lệ của mình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**
**CHỦ TỊCH**

**LÊ THANH CUNG**